

Bản án số: 12/2020/DS - PT
Ngày: 10 - 9 - 2020
V/v Đòi lại tài sản cho thuê.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu

Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLPT - DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc đòi lại nhà, đất cho thuê, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXPT- DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Cụ Huỳnh Văn Tr, sinh 1927

Địa chỉ cư trú: Phòng 1, chung cư 9, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Tr: Ông Huỳnh Minh Ch, sinh 1955; địa chỉ: Số 1, đường Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt (giấy ủy quyền ngày 05/02/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ Tr: Bà Vũ Thanh H – Luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Đào và Đồng nghiệp thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

1.2. Cụ Huỳnh Văn K, sinh 1934

Địa chỉ: Số 3, đường Â, phường Ph, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ K: Ông Huỳnh Văn Tr, sinh 1947; địa chỉ: Phòng T, Chung cư G, đường L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt (văn bản ủy quyền ngày 19/7/2016).

2. Bị đơn:

2.1. Đoàn Công an thị xã Đ (nay là Công an tỉnh Q)

Địa chỉ: Số A, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Giang N - Chánh thanh tra, Công an tỉnh Q; có mặt (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2019, ngày 26/5/2020 ông N có mặt; ngày 10/9/2020 ông N có đơn đề nghị xử vắng mặt).

2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Q

Địa chỉ: Số B, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang Á - Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: Số C, đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (văn bản ủy quyền ngày 28/02/2019, ngày 26/5/2020 ông Á có mặt; ngày 10/9/2020 ông Á có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tr - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; có mặt (văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018).

3.2. Cụ Huỳnh Thị H; sinh năm: 1922; địa chỉ: Số 02, kiệt A, đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3.3. Cụ Huỳnh Thị Kim C; sinh năm: 1930; địa chỉ: Số N, đường Tr, phường X, quận Th, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ H và cụ C: Ông Huỳnh Văn Tr, sinh 1947; địa chỉ: Phòng T, chung cư G, đường L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt (văn bản ủy quyền ngày 03/01/2017 và ngày 14/01/2017).

3.4. Cụ Huỳnh Thị Hồng Tr; sinh năm: 1933; địa chỉ: Số S, ngõ T, phố L, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Tr: Ông Huỳnh Minh Ch, sinh 1955; địa chỉ: Số 1, đường Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt (giấy ủy quyền ngày 05/02/2020).

3.5. Cụ Huỳnh Văn Ch (đã chết)

Những người thừa kế tổ tụng của cụ Ch gồm:

3.5.1. Ông Huỳnh Văn Tr, sinh 1947; địa chỉ: Phòng T, chung cư G, đường L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

3.5.2. Ông Huỳnh Đào L, sinh năm: 1949; địa chỉ: Số B, đường Nguyễn Tuấn T, khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3.5.3. Bà Huỳnh Thị Phương Th, sinh năm: 1951; địa chỉ: Khu tập thể Y, phường Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3.5.4. Ông Huỳnh Quang V, sinh năm: 1953; địa chỉ: Số T, chung cư T, đường L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.5.5. Ông Huỳnh Nam Th, sinh năm: 1956; địa chỉ: Số nhà X, đường Nguyễn Tuấn Th, khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3.5.6. Bà Huỳnh Thị Phương H, sinh năm: 1958; địa chỉ: Khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3.5.7. Ông Huỳnh Nam H, sinh năm: 1962; địa chỉ: Khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3.6. Cụ Huỳnh Thị L (đã chết)

Những người thừa kế tổ tụng của cụ L gồm:

3.6.1. Ông Nguyễn Huỳnh Đ, sinh 1942; địa chỉ: Số R, đường Ng, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.6.2. Ông Nguyễn Huỳnh L, sinh 1947; địa chỉ: Số V, đường Ng, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.6.3. Ông Nguyễn Huỳnh D, sinh năm: 1953; địa chỉ: Số Z, đường Ng, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì nội dung vụ án như sau: Cụ Huỳnh Văn Kh (không rõ năm sinh) chết năm 1955 và cụ Đặng Thị H (không rõ năm sinh) chết năm 1984, hai cụ sinh 08 người con gồm: Cụ Huỳnh Văn Ch (đã chết có các con của cụ thừa kế tổ tụng gồm ông Huỳnh Văn Tr, ông Huỳnh Đào L, bà Huỳnh Thị Phương Th, ông Huỳnh Quang V, ông Huỳnh Nam Th và bà Huỳnh Thị Phương H), cụ Huỳnh Thị L (đã chết có các con của cụ thừa kế tổ tụng gồm: Ông Nguyễn Huỳnh Đ, ông Nguyễn Huỳnh L và ông Nguyễn Huỳnh D), cụ Huỳnh Thị H, cụ Huỳnh Văn Kh (chưa có vợ, liệt sỹ), cụ Huỳnh Văn Tr, cụ Huỳnh Thị Kim C, cụ Huỳnh Văn K và Huỳnh Thị Hồng Tr. Hai cụ có tài sản gồm: Đất canh tác có diện tích 02 sào, 08 thước (tức 1.264 m²), đất ở và hồ ao có diện tích 01 sào 7 thước (nay 731m²). Diện tích đất ở và đất canh tác liền kề nhau hai cụ đã làm nhà kiên cố, xây tường, lợp ngói, trần bằng gỗ lim, diện tích nhà 72m² nhà chính, nhà phụ (đất canh tác và đất nhà ở của hai cụ đã được Ủy ban hành chính tỉnh Quảng Bình, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất vào năm 1956, tại số 78, địa bạ số 281, thuộc xã Ph, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình).

Ngày 01 tháng 01 năm 1961, cụ Huỳnh Văn Tr thay mặt gia đình ký hợp đồng cho Đồn Công an thị xã Đ nay là thành phố Đ (viết tắt là Công an) thuê nhà ở thời hạn 1 năm (từ ngày 01/01/1961 đến 31/12/1961) với giá mỗi tháng 14 đồng 5 hào. Sau khi hết hợp đồng hai bên thoả thuận bằng miệng cho Công an tiếp tục thuê nhà. Năm 1973, cụ H về đòi lại nhà cho thuê thì nhà đã bị tháo dỡ (không còn nhà và tài sản trong nhà).

Để đảm bảo quyền lợi của mình các con của cụ H, cụ Kh yêu cầu Công an trả lại tài sản giá 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) bao gồm hai nhà gỗ trị giá 500.000.000 đồng và đồ dùng trong nhà như bàn, ghế, giường, tủ... trị giá 200.000.000 đồng; yêu cầu Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Q trả lại 1.995 m² (trong đó 730 m² đất ở, 1.264 m² đất vườn); đối với tiền thuê nhà từ năm 1961 đến năm 1973 gia đình không yêu cầu Công an trả.

Bị đơn Công an tỉnh Q trình bày: Nhất trí với nội dung trình bày của các con cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H về hợp đồng thuê nhà, cụ thể: Ngày 01 tháng 01 năm 1961, đồng chí Phạm Đăng Q đại diện Công an và cụ Huỳnh Văn Tr đại diện gia đình ký kết hợp đồng cho thuê ngôi nhà số A, đường V, phường Đ, thị xã Đ của cụ Kh, cụ H với thời hạn 01 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng cho đến ngày 31/12/1961 (hợp đồng có xác nhận số 71 của Phòng quản lý nhà đất tỉnh Q). Sau khi hợp đồng hết hạn (sau 31/12/1961), hai bên không có văn bản thanh lý hợp đồng, không gia hạn hoặc cho mượn, trong coi hộ ngôi nhà, nhưng thực tế Công an vẫn tiếp tục làm việc đến năm 1966. Do đế quốc Mỹ đánh phá Miền Bắc nên nhân dân và tất cả các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thị xã Đồng Hới phải di dời sơ tán, trong đó có Công an, còn ngôi nhà đã bị bom Mỹ phá hỏng.

Việc khiếu nại của cụ Huỳnh Văn K, cụ Huỳnh Văn Tr đại diện cho các con của cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H về đòi lại tài sản đã được Bộ Công an chỉ đạo Thanh tra Bộ Công an trả lời tại Văn bản số 778/V24 ngày 07/11/2000, cụ thể: Công an tỉnh B được UBND tỉnh cấp lô đất để xây dựng Đồn Công an Nh theo Quyết định số 1392/QĐ-UB, ngày 22/10/1981 và sau đó UBND tỉnh Q có Quyết định mới (Số 982/QĐ-UB và 983/QĐ-UB ngày 13/8/1997) tiếp tục giao lô đất này cho Công an tỉnh Q để xây dựng Trụ sở Công an là đúng thẩm quyền; Công an tỉnh Q sử dụng lô đất này là hợp pháp. Việc khiếu nại về đất của ông thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Về nhà và tài sản: Ngày 10/01/2001, Bộ Công an có Quyết định số 24/QĐ-GQKN(V24) về việc giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với đơn khiếu nại của cụ Huỳnh Văn K, cụ thể: Xác định Công văn số 778/V24 ngày 07/11/2000 của Thanh tra Bộ Công an trả lời khiếu nại của ông Huỳnh Văn K ở A, đường A, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh là đúng; Giao cho Giám đốc Công an tỉnh Q xem xét khoản tiền thuê nhà của gia đình ông Huỳnh Văn K từ năm 1961 đến năm 1966 để giải quyết dứt điểm hợp đồng thuê nhà trước đây; Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Ngày 23/3/2001, thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Công an, đồng chí Nguyễn Huy T, Chánh Thanh tra Bộ Công an tiếp tục có Văn bản số 370/BCA (V24), trả lời ông Huỳnh Văn K về việc giải quyết của Bộ Công an là đúng pháp luật, căn cứ Luật khiếu nại, tố cáo Bộ Công an không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của ông nữa.

Công an tỉnh Q đã hai lần trực tiếp làm việc với gia đình cụ K (Ngày 27/02/2001 và ngày 22/8/2002) để bàn bạc thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Công an về việc “*Giao cho Giám đốc Công an tỉnh Q xem xét khoản tiền thuê nhà của gia đình ông Huỳnh Văn K từ năm 1961 đến năm 1966 để giải quyết dứt điểm hợp đồng thuê nhà trước đây*” của Quyết định số 24/QĐ-GQKN(V24) ngày 10/01/2001, nhưng cả hai lần cụ Huỳnh Văn K và gia đình không nhất trí với Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an nên không thực hiện được.

Công an tỉnh Quảng B đã có các Văn bản số 99/TB-CAT(PV24) ngày 08/4/2010; số 1307/TB-CAT(PV24) ngày 16/9/2010; số 211/TB-CAT(PV24) ngày 23/02/2011; số 322/CV-CAT(PV24) ngày 15/3/2011; số 1817/CV-CAT-PV24 ngày 03/10/2013, thông báo cho gia đình cụ K: Công an tỉnh Q là cơ quan cấp dưới của Bộ Công an được Lãnh đạo Bộ Công an giao thực hiện Điều 2 của Quyết định số 24, nếu cụ K và gia đình nhất trí với Quyết định giải quyết cuối cùng của Bộ trưởng Bộ Công an, kính mời cụ K và gia đình đến Trụ sở Công an tỉnh để cùng nhau thống nhất, bàn bạc, nhưng cụ K và gia đình không đến, đến nay gia đình cụ K tiếp tục khiếu kiện.

Căn cứ theo Quyết định thanh tra của Bộ Công an số 24 ngày 10/01/2001 về việc giải quyết khiếu nại và báo cáo số 718/V24 ngày 10/10/2000 của thanh tra Bộ Công an về kết quả xem xét đơn khiếu nại của cụ Huỳnh Văn Tr, cụ Huỳnh Văn K theo đó, về tài sản Bộ Công an kết luận tài sản Công an không tháo dỡ nhà mà do bom Mỹ phá huỷ trong thời kỳ chiến tranh phá hoại, nên yêu cầu trả tiền đền bù tài sản của nguyên đơn không có cơ sở để giải quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh Q trình bày: Khu đất vườn củ của cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H được Ủy ban hành chính tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất mang tên cụ Đặng Thị H có số GCN 78, địa bạ số 281 ngày 19/5/1956 gồm 1 thửa đất cây trồng trọt với diện tích 2 sào 8 thước và 1 thửa đất thuộc loại đất ở, hồ ao, đầm ... với diện tích 1 sào 7 thước, tại xã Ph, huyện Q mà không thể hiện sơ đồ vị trí thửa đất tại khu vực nào nên không thể xác định được cụ thể, chính xác vị trí thửa đất tại thực địa.

Năm 1961, cụ Đặng Thị H cho Đồn Công an thuê nhà. Theo hợp đồng hai bên chỉ thỏa thuận cho thuê ngôi nhà có diện tích 72,57 m² mà không thuê đất vườn ở và thửa đất trồng trọt. Do chiến tranh của đế quốc Mỹ nên Công an không còn sử dụng nhà và sau đó ngôi nhà bị bom Mỹ phá hoại. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ các cơ quan của tỉnh, thị xã Đ và nhân dân đều phải sơ tán đi nơi khác. Sau hiệp định Pari năm 1973, Ủy ban hành chính tỉnh Q đã có chủ trương lập quy hoạch xây dựng thị xã Đ.

Do thửa đất trước đây cấp cho cụ Đặng Thị H không có người sử dụng thời gian dài nên khi Nhà nước tổ chức điều tra kê khai đăng ký việc sử dụng đất thì gia đình hoàn toàn không có người trực tiếp sử dụng để kê khai, đăng ký (đất

vắng chủ). Do đó, tại khu đất vườn củ theo nội dung đơn trình bày của gia đình cụ K, từ năm 1982 đến 1991 Nhà nước đã giao cho các tổ chức và hộ gia đình sử dụng gồm: Công an phường Đ làm trụ sở hết 310 m² theo Quyết định số 1392/QĐ - UB ngày 22/10/1987 của UBND tỉnh B; Hợp tác xã mua bán phường Đ mua lại nhà của Công ty Vật tư tổng hợp thị xã Đ năm 1976, đã xây dựng nhà cấp 4 với diện tích 449 m²; ông Hoàng Xuân M sử dụng 460m² theo Quyết định số 22/QĐ - UB ngày 18/3/1984 do UBND thị xã Đ; ông Phan Văn Kh sử dụng 185m² theo Quyết định số 496/QĐ - UB ngày 22/12/1989 của UBND thị xã Đ giao; ông Nguyễn Ngọc T sử dụng 270 m² theo Quyết định số 25/QĐ - UB ngày 20/3/1982 của UBND thị xã Đ; ông Lê Ngọc D sử dụng 197 m² theo Quyết định số 200/QĐ - UB ngày 15/5/1991 của UBND thị xã Đ; ông Lê Xuân H sử dụng 425 m² theo Quyết định số 26/QĐ - UB ngày 8/6/1982 của UBND thị xã Đ. Tổng diện tích các cơ quan, hợp tác xã mua bán, các hộ gia đình sử dụng là 2.338 m²(chưa tính diện tích nhà nước đã sử dụng mở đường quốc lộ 1A).

Trong thời gian Nhà nước giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, gia đình cụ K không có khiếu nại gì về việc giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nói trên, năm 1995 gia đình cụ mới phát sinh khiếu nại.

Theo quy định tại điểm 4, 6 mục II Thông tư số 73/ TTg ngày 7/7/1962 của Chính phủ về việc quản lý đất của tư nhân cho thuê, đất vắng chủ, đất bỏ hoang hóa ở nội thành, nội thị thì đất vắng chủ, đất bỏ hoang đều do Nhà nước trực tiếp quản lý để sử dụng vào các mục đích khác; tại điểm 3, 5 mục III Thông tư số 10/TTg ngày 04/2/1963 của Thủ tướng Chính phủ giải thích Thông tư số 73/ TTg cũng nêu rõ đối với đất cho thuê, cho sử dụng nhờ của tư nhân khác, đất bỏ hoang ở đô thị đều do Nhà nước quản lý để phân phối, sử dụng vào các mục đích khác. Nghị quyết số 125/CP ngày 28/6/1971 của Hội đồng chính phủ về tăng cường công tác quản lý đất đai quy định: “Đất của hợp tác xã, tư nhân không sử dụng bỏ hoang hóa thì Ủy ban hành chính xã báo cáo với Ủy ban hành chính huyện để có biện pháp sử dụng theo phương hướng và kế hoạch của Nhà nước”; Tại mục II Quyết định 201/CP ngày 1/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thì diện tích đất của gia đình cụ K nêu gồm đất nông nghiệp (phần đất cây trồng trọt) và đất chuyên dùng khác (phần đất ỏ) và tại tiết c điểm 2 mục III Quyết định 201- CP của Chính phủ nêu rõ “ Nếu đất không sử dụng hoặc không sử dụng hết đất thì người sử dụng đất phải trả lại phần đất không sử dụng cho Nhà nước. Đối với đất trước kia thuộc sở hữu cá thể hợp pháp, khi người sử dụng đất không sử dụng nữa (hoặc không có người thừa kế hợp pháp sử dụng) thì UBND huyện quyết định việc sử dụng theo đề nghị của UBND xã”; điểm 1 mục IV Quyết định 201- CP của Chính phủ quy định “Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo

chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước”.

Hiến pháp năm 1980 quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý; cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyền quyết định việc phân bổ lại việc sử dụng đất đai phù hợp với quy hoạch và vì lợi ích chung của Nhà nước theo các văn bản pháp luật.

Căn cứ các quy định trên thì việc UBND tỉnh Q, UBND thị xã Đ đưa (trung thu) diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận cho cụ Đặng Thị H nhưng sau đó bỏ hoang, không kê khai đăng ký sau chiến tranh (đất vắng chủ) vào quản lý và thực hiện việc phân bổ lại cho các đối tượng khác là bảo đảm đúng quy định.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, 2003, 2013 thì “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước”.

Việc giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nói trên là thực hiện theo đúng quy định pháp luật đất đai. Mặt khác không có cơ sở xác nhận chính xác vị trí đất của cụ Đặng Thị H được cấp trước đây. Do đó, việc gia đình cụ Tr, cụ K đề nghị trả lại khu đất, vườn của gia đình đã được cấp trước đây và hiện nay đã giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định là không có cơ sở giải quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã giải quyết đơn khiếu nại của cụ Huỳnh Văn K và đã ban hành Quyết định số 1525/QĐ-UB ngày 03/10/1998 về việc giải quyết khiếu nại của cụ Huỳnh Văn K về đất đai tài sản với nội dung: Không thừa nhận cụ Huỳnh Văn K đại diện cho gia đình đòi lại đất cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H khi Nhà nước đã giao đất cho tổ chức, hộ gia đình kể cả phần đất đã giao cho Công an phường Đ sử dụng ổn định lâu dài theo đúng chính sách của Nhà nước qua các thời kỳ, phù hợp với Luật Đất đai 1987 và Luật Đất đai 1993; Việc ông Huỳnh Văn K đề nghị trả lại tiền đền bù đất khi Nhà nước đã giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài là không phù hợp với Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Giao cho Công an tỉnh bàn cụ thể với gia đình cụ Huỳnh Văn K việc bồi thường thiệt hại nhà cửa, tài sản bị mất mát, hư hỏng trong quá trình sử dụng nhà cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H; Đồng ý về chủ trương việc giao cho ông Huỳnh Văn K (đại diện gia đình) một lô còn lại trong khuôn viên đất cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H mà Nhà nước chưa giao đất cho tổ chức, hộ gia đình sử dụng lâu dài với diện tích và vị trí đúng quy hoạch theo các thủ tục quy định của Nhà nước. Tại Quyết định số 1404/QĐ-UB ngày 25/7/2000 của UBND tỉnh Q đã giải quyết đơn khiếu nại của cụ Huỳnh Văn K với nội dung: Không thừa nhận việc đòi lại đất và tiền đền bù của ông Huỳnh Văn K (đại diện cho cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H). Lý do: vì phần đất cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H sử dụng trước đây, nay đã được Nhà nước giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định theo đúng

chính sách đất đai của Nhà nước qua các thời kỳ; Giao cho ông Huỳnh Văn K (đại diện gia đình cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H) một lô đất ở tại thị xã Đ theo đúng quy hoạch, có vị trí tương đương với vị trí nền nhà cũ trước đây của cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H, có diện tích theo tiêu chuẩn đất nội thị được quy định hiện hành ở thị xã Đ; Giao cho Giám đốc Công an tỉnh giải quyết việc thực hiện hợp đồng thuê nhà trước đây giữa Đồn Công an thị xã Đ với bà Đặng Thị H theo đúng pháp luật quy định.

Thi hành các Quyết định giải quyết khiếu nại ngày 08/4/2002 UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 664/QĐ-UB về việc thu hồi đất của Hợp tác xã thương mại dịch vụ tổng hợp Đ đang sử dụng tại phường Đ, thị xã Đ giao cho cụ Huỳnh Văn K xây dựng nhà ở với diện tích được giao 100 m².

Ngày 24/2/2003, UBND tỉnh Q đã ra thông báo số 190/TB-UB Kết luận của đồng chí Mai Xuân Th - Phó Chủ tịch UBND tỉnh về việc thu tiền sử dụng đất đối với hộ cụ Huỳnh Văn K; ngày 04/3/2003, Sở Tài chính - Vật giá đã có Thông báo số 228/TCVG thông báo giá cấp quyền sử dụng lô đất cấp cho cụ Huỳnh Văn K tại phường Đồng Phú, thị xã Đồng Hới; ngày 17/3/2003, Sở Địa chính đã có Thông báo số 32/TT-ĐC gửi cho cụ Huỳnh Văn K về thời gian thực hiện nộp tiền và hồ sơ thủ tục giao đất thực địa; ngày 21/4/2003 cụ Huỳnh Văn K đã chấp hành nộp tiền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước; ngày 22/4/2003, Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường), UBND thị xã Đ, UBND phường Đ và cụ Huỳnh Văn K đã tiến hành giao đất thực địa tại phường Đ, thành phố Đ cho gia đình cụ.

Như vậy, việc khiếu nại đòi trả nhà, đất mà gia đình cụ Huỳnh Văn K đã cho Công an tỉnh Q thuê năm 1961 đã được cấp có thẩm quyền của tỉnh Q giải quyết dứt điểm và UBND tỉnh ra quyết định giải quyết khiếu nại 2 lần. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh đã được cụ Huỳnh Văn K chấp hành.

Từ nội dung giải quyết trên UBND tỉnh Q giữ nguyên quan điểm không chấp nhận việc đòi lại đất của nguyên đơn.

Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày: Trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Q và UBND thành phố Đ cho các cá nhân tập thể khu đất hiện nay cụ Tr, cụ K đòi lại là đúng quy định của pháp luật về đất đai như ý kiến của đại diện UBND tỉnh đã trình bày, nên UBND thành phố Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của cụ K và cụ Tr.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 489, 490, 491, 498 của Bộ luật dân sự 1995;

Căn cứ điểm 6 mục II Thông tư số 73/ TTg ngày 7/7/1962 của Chính phủ; khoản 4, 5 Điều 14 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai 1993;

Công văn số 169/2002/KHXX ngày 15/11/2002 của Toà án nhân dân tối cao; Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Công văn số 45 TANDTC- PC ngày 13/3/2019 của Toà án nhân dân tối cao, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Văn Tr, cụ Huỳnh Văn K yêu cầu Công an tỉnh Q bồi thường tổng giá trị 700.000.000 đồng, trong đó, hai ngôi nhà gỗ trị giá 500.000.000 đồng và đồ dùng trong nhà gồm bàn, ghế, giường, tủ... trị giá 200.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Văn Tr, cụ Huỳnh Văn K yêu cầu UBND tỉnh Q phải trả lại 1.995 m², trong đó 730 m² đất ở, đất vườn 1.264 m² hoặc trả lại 3 lô đất 600 m² cho ba anh em trai, số đất còn lại trả khu vực khác tương đương về đường hoặc trả bằng tiền một mét vuông 20 triệu đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn cụ Huỳnh Văn Tr và cụ Huỳnh Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận kết quả xét xử của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận các nội dung khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu UBND tỉnh Q trả lại đất 1.995 m² đất.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn Công an, UBND tỉnh Q và đại diện UBND thành phố Đ là người có quyền lợi liên quan vụ án không chấp việc khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về đòi lại đất, tài sản cho thuê và miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên; nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 02 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 35/2019/DS – ST về việc đòi lại nhà, đất

cho thuê. Ngày 06 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn cụ Huỳnh Văn Tr và cụ Huỳnh Văn K làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Tại đơn khởi kiện bổ sung đòi nhà đất cho thuê (BL 73) và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn cụ Huỳnh Văn Tr và cụ Huỳnh Văn K yêu cầu Công an trả lại 02 nhà gạch, gỗ trị giá 500.000.000 đồng và đồ đạc trong nhà giá 200.000.000 đồng; yêu cầu UBND tỉnh Q trả lại 1.995m² đất (731m² đất ở và 1.264m² đất vườn) Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân tỉnh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, lẽ ra phải xác định Ủy ban nhân dân tỉnh Q là bị đơn trong vụ kiện này. Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản (nhà, đất) cho thuê, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng đòi nhà, đất cho thuê là không đúng quy định, cần rút kinh nghiệm.

[3] Nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan vụ án vụ án là con của cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H đều thừa nhận hai Cụ có 08 người con gồm: Cụ Huỳnh Văn Ch (đã chết), cụ Huỳnh Thị L (đã chết), cụ Huỳnh Thị H, cụ Huỳnh Văn Kh (Liệt sỹ), cụ Huỳnh Văn Tr, cụ Huỳnh Thị Kim C, cụ Huỳnh Văn K và cụ Huỳnh Thị Hồng Tr. Hai cụ không có con riêng và không nuôi con nuôi, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các con của Kh, cụ H không khởi kiện vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án là đúng quy định.

[4] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án đều thừa nhận trước năm 1961 cụ Kh và cụ H có các tài sản gồm: Đất canh tác có diện tích 02 sào, 08 thước (tức 1264 m²), đất ở và hồ ao có diện tích 01 sào 7 thước (nay 731m²). Diện tích đất ở và đất canh tác liền kề nhau hai cụ đã làm nhà ở, xây tường, lợp ngói, trần bằng gỗ lim, diện tích nhà 72m² nhà chính, nhà phụ. Diện tích đất canh tác và đất nhà ở của hai cụ đã được Ủy ban hành chính tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất vào năm 1956, tại số 78, địa bạ số 281, thuộc xã Ph, huyện Q, tỉnh Q (nay là phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q).

[5] Ngày 01 tháng 01 năm 1961, ông Phạm Đăng Q đại diện Công an và cụ Huỳnh Văn Tr đại diện gia đình đã ký kết hợp đồng cho thuê ngôi nhà (02 nhà ngói có diện tích 72,57m²) tại số A, đường V, phường Đ, thị xã Đ của cụ Kh, cụ H với thời hạn 01 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng cho đến ngày 31/12/1961 (hợp đồng có xác nhận số 71 của Phòng quản lý nhà đất tỉnh Q). Sau khi hợp đồng hết hạn (sau 31/12/1961), hai bên không có văn bản thanh lý hợp đồng, không gia hạn hoặc cho mượn, trông coi hộ ngôi nhà, nhưng thực tế Công an vẫn tiếp tục làm việc đến năm 1966. Do đế quốc Mỹ đánh phá Miền Bắc nên

nhân dân và tất cả các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thị xã Đ phải đi sơ tán, trong đó có Công an.

[6] Việc khởi kiện đòi lại tài sản cho thuê của nguyên đơn thấy: Vụ việc này gia đình nguyên đơn đã khiếu nại đến Công an tỉnh Q và Bộ Công an, tại Công văn số 778/V24 ngày 07 tháng 11 năm 2000 của Thanh tra Bộ Công an trả lời cho cụ Huỳnh Văn K với nội dung: Công an tỉnh B được UBND tỉnh cấp lô đất để xây dựng Đồn Công an Nh theo Quyết định số 1392/QĐ-UB, ngày 22/10/1981 và sau đó UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định mới (Số 982/QĐ-UB và 983/QĐ-UB ngày 13/8/1997) tiếp tục giao lô đất này cho Công an tỉnh Q để xây dựng Trụ sở Công an là đúng thẩm quyền; Công an tỉnh Q sử dụng lô đất này là hợp pháp. Việc khiếu nại về đất của ông thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Q. Không nhất trí với kết quả giải quyết cụ Huỳnh Văn K tiếp tục khiếu nại, tại Quyết định số 24/QĐ-GQKN(V24) ngày 10 tháng 01 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với đơn khiếu nại của cụ Huỳnh Văn K, cụ thể: Xác định Công văn số 778/V24 ngày 07/11/2000 của Thanh tra Bộ Công an trả lời khiếu nại của ông Huỳnh Văn K ở số 3, đường A, phường Nh, quận T, thành phố Hồ Chí Minh là đúng; Giao cho Giám đốc Công an tỉnh Q xem xét khoản tiền thuê nhà của gia đình ông Huỳnh Văn K từ năm 1961 đến năm 1966 để giải quyết dứt điểm hợp đồng thuê nhà trước đây và Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Ngày 23/3/2001, thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Công an, đồng chí Nguyễn Huy T, Chánh Thanh tra Bộ Công an tiếp tục có Văn bản số 370/BCA (V24), trả lời ông Huỳnh Văn K về việc giải quyết của Bộ Công an là đúng pháp luật, căn cứ Luật khiếu nại, tố cáo Bộ Công an không xem xét giải quyết đơn khiếu nại của ông nữa.

[7] Theo hợp đồng thì Công an chỉ thuê nhà (02 nhà ngói có diện tích 72,57m²) của cụ cụ Kh, cụ H với thời hạn 01 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng cho đến ngày 31/12/1961 (ngoài ra không thuê thêm tài sản gì). Sau khi hợp đồng hết hạn (sau 31/12/1961), hai bên không có văn bản thanh lý hợp đồng, không gia hạn hoặc cho mượn, trông coi hộ ngôi nhà, nhưng thực tế Công an vẫn tiếp tục làm việc đến năm 1966 thì đi sơ tán. Theo Cơ quan Công an thì toàn bộ nhà bị bom Mỹ phá hoại, phía nguyên đơn xuất trình giấy xác nhận viết tay từ năm 1976 của cụ Lê Thị N, cụ Đặng Sở D và cụ Hoàng Thị L về việc nhà ở của cụ Kh, cụ H bị bom làm hư hỏng nhẹ, sau đó bị tháo dỡ; tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận cụ N và cụ D đã chết, còn cụ L già yếu, tại biên bản ghi ý kiến ngày 09/9/2020 của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đối với cụ L thì cụ L cho biết năm 1968 nhà của cụ H bị hư hỏng nhẹ Công an có lợp lại và cán bộ xã làm nơi trực chiến, cụ L cũng không trình bày việc Công an đã dỡ nhà cụ H. Thực tế năm 1966 Công an đi sơ tán không sử

dụng nhà thuê của cụ H nữa, do đó hợp đồng thuê nhà cũng chấm dứt từ thời điểm này và lúc đó nhà cụ H không bị hư hỏng (cụ L xác nhận năm 1968 nhà cụ H đang còn và cán bộ xã dùng làm nơi trực chiến), tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không xuất trình được các chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó việc khởi kiện đòi lại tài sản cho thuê của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Đối với khởi kiện yêu cầu UBND tỉnh Q trả lại diện tích đất thấy: Tại Quyết định số 1525/QĐ – UB ngày 03 tháng 10 năm 1998 của UBND tỉnh Q (BL 291) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn K về đất đai tài sản đã quyết định: Không thừa nhận ông Huỳnh Văn K đại diện cho gia đình đòi lại đất cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H khi Nhà nước đã giao đất cho tổ chức, hộ gia đình kể cả phần đất đã giao cho Công an phường Đ sử dụng ổn định lâu dài theo đúng chính sách của Nhà nước qua các thời kỳ, phù hợp với Luật đất đai ngày 08/01/1988 và Luật đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993; Việc ông Huỳnh Văn K đề nghị trả tiền đền bù đất khi Nhà nước đã giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài là không phù hợp với Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Giao cho Công an tỉnh bàn cụ thể với gia đình ông Huỳnh Văn K việc bồi thường thiệt hại nhà, cửa, tài sản bị mất mát, hư hỏng trong quá trình sử dụng nhà cụ Huỳnh Văn Kh, cụ Đặng Thị H; Đồng ý chủ trương giao cho ông Huỳnh Văn K (đại diện gia đình) một lô đất còn lại trong khuôn viên đất cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H mà Nhà nước chưa giao đất cho tổ chức, hộ gia đình sử dụng lâu dài với diện tích và vị trí đúng quy hoạch theo các thủ tục quy định của Nhà nước.

[9] Tại Quyết định số 1404/QĐ – UB ngày 25 tháng 7 năm 2000 của UBND tỉnh Q (BL 292) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn K đã quyết định: Không thừa nhận việc đòi lại đất và tiền đền bù đất của ông Huỳnh Văn K (đại diện cho gia đình cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H). Lý do, vì phần đất cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H sử dụng trước đây, nay đã được Nhà nước đã giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài theo đúng chính sách đất đai của Nhà nước qua các thời kỳ; Giao cho ông Huỳnh Văn K (đại diện cho gia đình cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H) một lô đất ở tại thị xã Đ theo đúng quy hoạch, có vị trí tương đương với vị trí nền nhà cũ trước đây của cụ Huỳnh Văn Kh và cụ Đặng Thị H, có diện tích theo tiêu chuẩn đất nội thị được quy định hiện hành ở thị xã Đ; Giao cho Công an tỉnh giải quyết việc hợp đồng thuê nhà trước đây giữa Đoàn Công an thị xã Đ với cụ Đặng Thị H theo đúng pháp luật quy định. Thời hạn chậm nhất đến ngày 30 tháng 8 năm 2000.

[10] Tại Quyết định số 664/QĐ – UB ngày 08 tháng 4 năm 2002 (BL 286) của UBND tỉnh Q về việc thu hồi đất của Hợp tác xã thương mại dịch vụ Đ đang sử dụng tại phường Đ, thị xã Đ giao cho ông Huỳnh Văn K xây dựng nhà

ở. Tại Biên bản giao đất thực địa ngày 22 tháng 4 năm 2003 (BL 284) cụ Huỳnh Văn K đại diện gia đình đã ký nhận 100m² đất làm nhà ở.

[11] Ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án, nhưng sau khi kết thúc phần tranh tụng nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để nguyên đơn thu thập thêm chứng cứ giải quyết vụ án. Để tạo điều kiện cho các đương sự thu thập thêm chứng cứ của vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định tạm ngưng phiên tòa với thời gian 28 ngày, nhưng do dịch bệnh Co vit 19 và yêu cầu của nguyên đơn nên phải kéo dài thời gian ngưng phiên tòa đến ngày 10/9/2020 mới tiếp tục xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới liên quan vụ án nên không có căn cứ để xem xét.

[12] Từ các nội dung phân tích trên thấy việc nguyên đơn khởi kiện đòi lại nhà và tài sản cho thuê không có căn cứ để chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với việc nguyên đơn đòi lại đất, nội dung này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Q giải quyết khiếu nại cuối cùng nhưng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không khởi kiện các quyết định này nên quyết định này đã có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện thì “ Sự việc đã được giải quyết bằng ... hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...”. Như vậy, lẽ ra sau khi nhận đơn khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn nguyên đơn sửa đổi đơn khởi kiện hoặc trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn đối với nội dung đòi lại đất theo đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xét xử sơ thẩm nội dung này là trái quy định, vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự để hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết liên quan đến việc đòi lại đất.

[13] Nguyên đơn là người cao tuổi, được tặng thưởng nhiều huân huy chương, căn cứ điểm đ khoản Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 272, Điều 273, khoản 1 và khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của cụ Huỳnh Văn Tr và cụ Huỳnh Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu Công an tỉnh Q trả lại tài sản giá 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) bao gồm hai nhà gỗ trị giá 500.000.000 đồng và đồ dùng trong nhà như bàn, ghế, giường, tủ... trị giá 200.000.000 đồng.

2. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới về việc nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Q trả lại 1.995 m² đất (trong đó 730 m² đất ở, 1.264 m² đất vườn) và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

3. Cụ Huỳnh Văn Tr và cụ Huỳnh Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho cụ Huỳnh Văn Tr và cụ Huỳnh Văn K 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (200.000 đồng tại biên lai số 0001615 ngày 08 tháng 7 năm 2016 và 300.000 đồng tại biên lai số 0005686 ngày 24 tháng 12 năm 2019) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/9/2020

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

